

NỢ CỦA DOANH NGHIỆP - VẤN ĐỀ CẦN TRAO ĐỔI

Ths. Phạm Thị Quyên

Tong quá trình hoạt động của doanh nghiệp (DN) luôn tồn tại mối quan hệ kinh tế giữa DN với nhiều đối tượng: Nhà nước, chủ sở hữu, nhà cung cấp, khách hàng, người lao động... do vậy việc tồn tại các khoản nợ là một tất yếu khách quan. DN vừa là chủ nợ nhưng cũng là khách nợ. Việc quản lý nợ có tác động lớn đến tình hình tài chính của DN. Vấn đề đặt ra, các nhà quản lý đang có cái nhìn đối với nợ của doanh nghiệp như thế nào?

Mỗi doanh nghiệp luôn tồn tại các khoản công nợ phải thu (các khoản phải thu) và các khoản công nợ phải trả (nợ phải trả). Nợ phải thu phản ánh số vốn của doanh nghiệp đang bị chiếm dụng. Trong tổng nợ phải thu thì phải thu của khách hàng thường chiếm

kh khoản phải thu chiếm trong tổng tài sản càng lớn thì áp lực huy động vốn càng cao và tiềm ẩn rủi ro cao.

Nợ phải trả phản ánh nguồn vốn vay và nguồn vốn chiếm dụng. Nguồn vốn vay được huy động từ các tổ chức tài chính, tín dụng hoặc phát

phát sinh sẽ làm tăng áp lực trả nợ và tiềm ẩn rủi ro về tài chính. Tăng nguồn vốn vay và nợ trong điều kiện tỷ suất lãi vay thấp hơn tỷ suất sinh lời của tài sản sẽ có tác động tích cực đến tỷ suất sinh lời của vốn chủ sở hữu và ngược lại. Tỷ trọng nợ phải trả chiếm trong tổng nguồn vốn càng cao thì có thể mang lại cơ hội tốt cho DN nhưng áp lực trả nợ cao và tiềm ẩn rủi ro cao.

Hiện nay, để phân tích đánh giá về tình hình công nợ của DN thường sử dụng các hệ số tài chính sau đây:

Doanh nghiệp	Hệ số nợ phải trả trên tài sản	Hệ số nợ phải thu trên tài sản
1. CTCP BTBH	0,55	0,49
2. CTCP CTBHD	0,44	0,22
3. CTCP DPHT	0,65	0,30
4. CTCP KSNN	0,36	0,45
...		

tỷ trọng lớn nhất. Phải thu của khách hàng phát sinh là do chính sách bán hàng của DN. Khi DN tăng cấp tín dụng cho khách hàng có tác động tích cực đến việc tiêu thụ sản phẩm. Tuy nhiên đứng trên góc độ quản lý tài chính doanh nghiệp, khi phải thu của khách hàng phát sinh thì sẽ làm tăng áp lực cho DN trong việc huy động nguồn vốn tài trợ, theo đó chi phí sử dụng vốn sẽ tăng lên. Phải thu của khách hàng phát sinh kèm theo nguy cơ rủi ro về tài chính. Tỷ trọng các

hành trái phiếu. Trong tổng nguồn vốn chiếm dụng thì phải trả người bán thường chiếm tỷ trọng lớn nhất. Phải trả cho người bán phát sinh khi DN được hưởng tín dụng thương mại từ nhà cung cấp. Khi DN tăng nguồn vốn tín dụng thương mại có thể giảm được áp lực trong việc huy động vốn vay và vốn chủ sở hữu, từ đó giảm được chi phí huy động vốn. Song đứng trên góc độ quản lý tài chính DN, khi phải trả cho người bán

Hệ số các khoản phải thu trên tài sản là chỉ tiêu phản ánh mức độ bị chiếm dụng vốn của DN. Trị số của chỉ tiêu càng lớn thể hiện mức độ vốn bị chiếm dụng càng cao và tiềm ẩn rủi ro cao. Độ lớn của chỉ tiêu phụ thuộc chủ yếu vào chính sách bán hàng và công tác quản lý, thu hồi nợ của DN.

Hệ số nợ trên tài sản là chỉ tiêu phản ánh mức độ phụ thuộc của DN vào các chủ nợ. Trị số của chỉ tiêu càng lớn thể hiện mức độ phụ thuộc của DN vào các chủ nợ càng cao

và tiềm ẩn rủi ro cao. Độ lớn của chỉ tiêu phụ thuộc chủ yếu vào chính sách huy động vốn và công tác quản lý, thanh toán nợ của DN.

Số vòng quay các khoản phải thu và thời gian quay vòng các khoản phải thu là chỉ tiêu phản ánh tốc độ luân chuyển các khoản phải thu trong kỳ.

Tìm hiểu báo cáo tài chính của một số doanh nghiệp đang niêm yết, có thể thấy được tình hình nợ của các doanh nghiệp là vấn đề mà các chủ thể quản lý cần phải quan tâm hơn khi đưa ra các quyết định. Mức độ nợ của doanh nghiệp nhìn chung là khá cao nhưng thông tin chi tiết về các khoản nợ không được công bố chi tiết làm người sử dụng thông tin khó có thể đánh giá được chính xác tình trạng nợ của DN. Từ báo cáo tài chính ngày 30/06/2010 của các doanh nghiệp, khái quát tình hình nợ được phản ánh thông qua một số chỉ tiêu sau:

Đối với CTCP BTBH hệ số nợ phải thu trên tài sản là 0,49 cho thấy gần 50% giá trị tài sản của công ty đang bị chiếm dụng. Đề tài trợ cho số vốn bị chiếm dụng, công ty phải huy động nguồn vốn vay. Với lãi suất tiền vay trên thị trường đầu năm 2010 làm cho chi phí tài chính của công ty là tương đối cao. Đối với CTCPKSN hệ số nợ phải thu trên tài sản là 0,45 cho thấy 45% giá trị tài sản của công ty đang bị chiếm dụng. Trong khi đó hệ số nợ trên tài sản của công ty là 0,36. Hệ số nợ

trên tài sản thấp hơn hệ số nợ phải thu trên tài sản chứng tỏ đề tài trợ cho số vốn bị chiếm dụng công ty vừa phải vay nợ vừa phải huy động vốn từ chủ sở hữu làm tăng chi phí huy động vốn. Mặc dù các công ty có số vốn bị chiếm dụng rất cao nhưng không có khoản dự phòng phải thu khó đòi, chi tiết về tình trạng nợ (trong hạn, đến hạn, quá hạn) không được công bố làm cho người sử dụng thông tin khó đánh giá được công tác quản lý nợ của công ty.

Trên thực tế, các chủ thể quản lý chưa thực sự quan tâm đến vấn đề nợ của DN. Đó chính là vấn đề mấu chốt dẫn đến những hậu quả khôn lường. DN có mức độ nợ cao, kèm theo các khoản nợ xấu thì rủi ro tài chính rất cao. Nếu các chủ thể quản lý phát hiện sớm sẽ có biện pháp quản lý phù hợp tránh được những hậu quả không đáng có. Vụ việc của tập đoàn Vinashin là một ví dụ điển hình. Trong tổng số nợ hơn 86.000 tỷ đồng của Vinashin, ngoài các khoản vay trái phiếu, vay có bảo lãnh chính phủ thì chắc chắn có nhiều ngân hàng dính nợ khó đòi khi cho Vinashin và các DN thành viên tập đoàn này vay. Sau vụ việc của Vinashin, các cơ quan quản lý nhà nước đã đưa ra nhiều giải pháp nhằm cứu vãn tình thế. Song vấn đề quan trọng hơn, là cần phải ngăn chặn không để các doanh nghiệp, các tập đoàn kinh tế đi theo “vết bánh xe” của tập đoàn Vinashin; Chính phủ không phải trả nợ giúp

DN; không còn ngân hàng phải ôm những món nợ khó đòi,...

Một số kiến nghị

Thứ nhất, Đối với cơ quan quản lý chức năng nhà nước

- Cần nghiên cứu để không ngừng hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý tài chính đối với các doanh nghiệp, trong đó có vấn đề quản lý nợ. Hiện nay, nợ phải thu và nợ phải trả của các doanh nghiệp được phản ánh khá tổng quát trên Bảng cân đối kế toán. Trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính có phản ánh chi tiết về các khoản vay nhưng thông tin chi tiết về các khoản nợ phải thu và các khoản nợ của người bán, của khách hàng, của Nhà nước ... không được phản ánh trên báo cáo tài chính làm cho các đối tượng sử dụng thông tin rất khó đánh giá chính xác về tình hình từng khoản nợ và việc chấp hành kỷ luật thanh toán nợ của doanh nghiệp. Do vậy, cơ quan quản lý chức năng cần phải có quy định chặt chẽ hơn đối với việc công bố thông tin về các khoản nợ của doanh nghiệp. Thông tin chi tiết của từng khoản nợ phải thu, nợ phải trả cần phải phản ánh trên Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Đối với nợ phải thu cần nêu rõ: khách nợ, thời hạn thanh toán nợ. Đối với các khoản vay cần nêu rõ: chủ thể cho vay, thời hạn vay, lãi suất vay... Đối với nợ phải trả của các đối tượng khác cần nêu rõ: chủ nợ, thời hạn nợ.

- Cần có quy định cụ thể

về điều kiện mà doanh nghiệp hay tập đoàn kinh tế được chính phủ bảo lãnh vay vốn. Để tránh tình trạng doanh nghiệp hay tập đoàn kinh tế mất khả năng thanh toán Chính phủ phải đứng ra trả nợ thì cơ quan quản lý chức năng cần có các quy định cụ thể về:

(1) Tính khả thi về định hướng, chiến lược phát triển của doanh nghiệp;

(2) Chính sách đầu tư, lĩnh vực đầu tư;

(3) Kết quả kinh doanh và khả năng sinh lời của 2 năm liền kề trước đó;

(4) Tình hình thanh toán các khoản nợ;

(5) Trình độ, năng lực quản lý;

(6) Mức độ nợ hiện tại của doanh nghiệp.

Khi DN được Chính phủ bảo lãnh vay vốn thì cơ quan quản lý chức năng cần phải có cơ chế giám sát chặt chẽ việc sử dụng vốn vay đảm bảo đúng mục đích và giám sát lộ trình trả nợ của DN.

Thứ hai, Đối với các chủ thể cho doanh nghiệp vay vốn.

Thực tế các tổ chức tài chính, tín dụng đều có các quy định cụ thể và khá chặt chẽ về điều kiện vay vốn đối với doanh nghiệp nhưng quá trình thẩm định và ra quyết định cho vay nhiều khi không đúng với quy định đã dẫn đến tình trạng không ít tổ chức tài chính, tín dụng phải ôm những khoản nợ xấu. Để hạn

chế tình trạng trên thì bản thân các tổ chức tài chính, tín dụng cần phải nâng cao trình độ, năng lực công tác của đội ngũ cán bộ tín dụng; phải có chế tài xử lý nghiêm với những cán bộ cho vay sai quy định. Định kỳ các tổ chức tài chính, tín dụng cần có đánh giá về khách hàng doanh nghiệp và công khai thông tin về khách hàng có uy tín trong thanh toán, khách hàng vi phạm kỷ luật thanh toán. Thông tin về khách hàng có uy tín được công khai có tác động thu hút được khách hàng. Thông tin về khách hàng vi phạm kỷ luật có tác động cảnh báo khách hàng và cũng là cung cấp thông tin cho các tổ chức, tín dụng khác biết. Các tổ chức tài chính, tín dụng cần tăng cường sử dụng các thông tin tín dụng và xếp hạng tín dụng doanh nghiệp được cung cấp bởi Trung tâm Thông tin tín dụng (Ngân hàng Nhà nước) để ra quyết định cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp.

Thứ ba, Đối với nhà quản lý tài chính doanh nghiệp.

Tồn tại các khoản nợ ở doanh nghiệp là tất yếu khách quan. Vấn đề quan trọng là quản lý nợ như thế nào để nợ có tác động tích cực đến tài chính của doanh nghiệp?

Đối với nợ phải thu, đặc biệt là phải thu của khách hàng thì nhà quản lý cần tăng cường công tác quản lý đối với từng khách hàng (mức độ nợ, thời hạn nợ, khả năng thu hồi nợ...) để có quyết định mở rộng, hạn

chế hay chấm dứt tín dụng thương mại đối với từng khách hàng. Khi có các khoản phải thu xấu thì nhà quản lý doanh nghiệp cần áp dụng biện pháp xử lý theo quy định của chính sách quản lý tài chính hiện hành đối với những khoản nợ xấu (lập dự phòng, bán nợ...).

Đối với nợ phải trả, cần có mục tiêu về cấu trúc tài chính cụ thể phù hợp sự biến động của thị trường tài chính và tình hình kinh doanh của doanh nghiệp trong từng giai đoạn phát triển từ đó hoạch định chính sách huy động vốn nói chung, huy động nguồn vốn vay và nợ nói riêng. Mục tiêu về cấu trúc tài chính cần tính đến yếu tố rủi ro của nợ và sự tác động của nợ đến sức sinh lời của vốn chủ sở hữu. Nhà quản lý cần tăng cường công tác quản lý đối với từng khoản nợ phải trả (mức độ nợ, thời hạn nợ, ...) từ đó có kế hoạch trả nợ đảm bảo sự chủ động thanh toán các khoản nợ khi đến hạn.

Từ những vấn đề nêu trên, chúng tôi hy vọng các nhà quản lý nhìn nhận về các khoản nợ của DN một cách tổng quát và chi tiết hơn, đánh giá đúng hơn về sự tác động của nợ đến các quyết định quản lý. Các nhà quản lý cần tạo cơ hội, tạo điều kiện cho doanh nghiệp hoạt động nhưng cũng cần phải phát hiện kịp thời và có biện pháp ngăn chặn khi DN có những dấu hiệu bất thường trong quá trình hoạt động.